



VIET TIN SECURITIES

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2018**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2018**

-----

I, Thông tin chung:

*1. Thông tin khái quát*

**Tên công ty** : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

**Tên giao dịch** : VIET TIN SECURITIES STOCK COMPANY

**Tên viết tắt** : VTSS

**Trụ sở chính** : Tầng 1 & 2 Toà nhà 40 Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**Website** : [www.viettin.vn](http://www.viettin.vn)

**Email** : [info@viet-tin.com](mailto:info@viet-tin.com)

**Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số:**

- 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 12 năm 2006 ;
- 107/UBCK-GPĐCCTCK ngày 12 tháng 2 năm 2008;
- 191/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 2 năm 2009;
- 44/UBCK-GCN ngày 27 tháng 2 năm 2009;
- 284/UBCK-GP ngày 4 tháng 12 năm 2009;
- 361/UBCK- GP ngày 21 tháng 10 năm 2010;
- 84/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 5 năm 2012

**Vốn điều lệ** : 138.000.000.000 đồng ( Một trăm ba mươi tám tỷ đồng).

*2. Quá trình hình thành và phát triển*

*Những sự kiện quan trọng:*

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHDKD ngày 11 tháng 12 năm 2006. Vốn điều lệ của Công ty khi được cấp Giấy phép là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Ngày 4 tháng 1 năm 2007 VTSS là Thành viên lưu ký theo Giấy chứng nhận số: 39/GCNTVLK của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- Ngày 23 tháng 1 năm 2007 Trung Tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội công nhận VTSS là Thành viên theo Quyết định số: 08/QĐ-TTGDHN;
- Ngày 17 tháng 5 năm 2007 VTSS chính thức là Thành viên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số: 38/QĐ-TTGDHCM;

- Ngày 12 tháng 2 năm 2008 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số: 107/UBCK-GPĐCCTCK, cho phép VTSS tăng vốn điều lệ lên: 71.428.600.000 đồng (Bảy mươi một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).
- Ngày 27 tháng 2 năm 2009 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số: 191/UBCK-GPĐC và 44/UBCK-GCN, cho phép VTSS thực hiện các nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Lưu ký Chứng khoán.
- Ngày 28 tháng 7 năm 2009 Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh chấp thuận VTSS là Thành viên giao dịch trực tuyến tại Quyết định số: 76/QĐ-SGDHCM;
- Ngày 4 tháng 12 năm 2009 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số: 284/UBCK-GP cho phép VTSS chuyển trụ sở chính đến số 40 Phan Bội Châu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Bà Trương Thị Hoàng Lan được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc công ty tại công văn đồng ý của UBCKNN số 1485/UBCK-QLKD Ngày 22 tháng 7 năm 2009 .
- Ngày 11 tháng 8 năm 2009 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội công nhận VTSS là Thành viên Hệ thống đăng ký giao dịch tại Quyết định số: 455/QĐ-SGDHN
- Ngày 9 tháng 11 năm 2009, UBCKNN cấp Quyết định số: 761/QĐ-UBCK, chấp thuận cho cổ đông là Công ty TNHH L-R Global Việt Nam chuyển nhượng 2.142.860 cổ phần, tương đương 30% vốn điều lệ cho bà Hoàng Ngân Hà.
- Ngày 9 tháng 3 năm 2010 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cho phép VTSS tham gia Giao dịch trực tuyến tại Quyết định số 131/QĐ-SGDHN;
- Ngày 28 tháng 9 năm 2010 bà Trần Thị Mai được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc công ty theo Quyết định số: 009/QĐ-HĐQT/VTSS của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Chứng khoán Việt Tín;
- Ngày 21 tháng 10 năm 2010 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số: 361/UBCK-GP, cho phép VTSS tăng vốn điều lệ lên 138.000.000.000 đồng ( Một trăm ba mươi tám tỷ đồng);
- Ngày 25 tháng 1 năm 2012 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Quyết định số: 109/QĐ-UBCK chấp thuận cho Công ty Chứng khoán Việt Tín đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến.
- Ngày 4 tháng 5 năm 2012 UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh số: 84/GPĐC – UBCK cho phép VTSS được rút nghiệp vụ tự doanh.
- Ngày 1 tháng 8 năm 2012 Hội đồng quản trị công ty VTSS quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc của bà Trần Thị Mai.



- Ngày 1 tháng 6 năm 2013 Hội đồng quản trị công ty VTSS quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc của bà Trương Thị Hoàng Lan đồng thời bổ nhiệm ông Vũ Thế Long làm Quyền Tổng giám đốc.
- Ngày 9 tháng 6 năm 2014, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm ông Lê Quang Tiến làm Tổng giám đốc Công ty đồng thời quyết định miễn nhiệm chức danh quyền Tổng giám đốc của ông Vũ Thế Long.
- Ngày 6 tháng 10 năm 2014 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Quyết định số: 547/QĐ-SGDHN chấp thuận cho VTSS được giao dịch trực tuyến UPCoM tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 22 tháng 4 năm 2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Quyết định số: 417/QĐ-UBCK chấp thuận cho VTSS được cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến. (sau khi quyết định số 109/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2011 hết hạn)

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

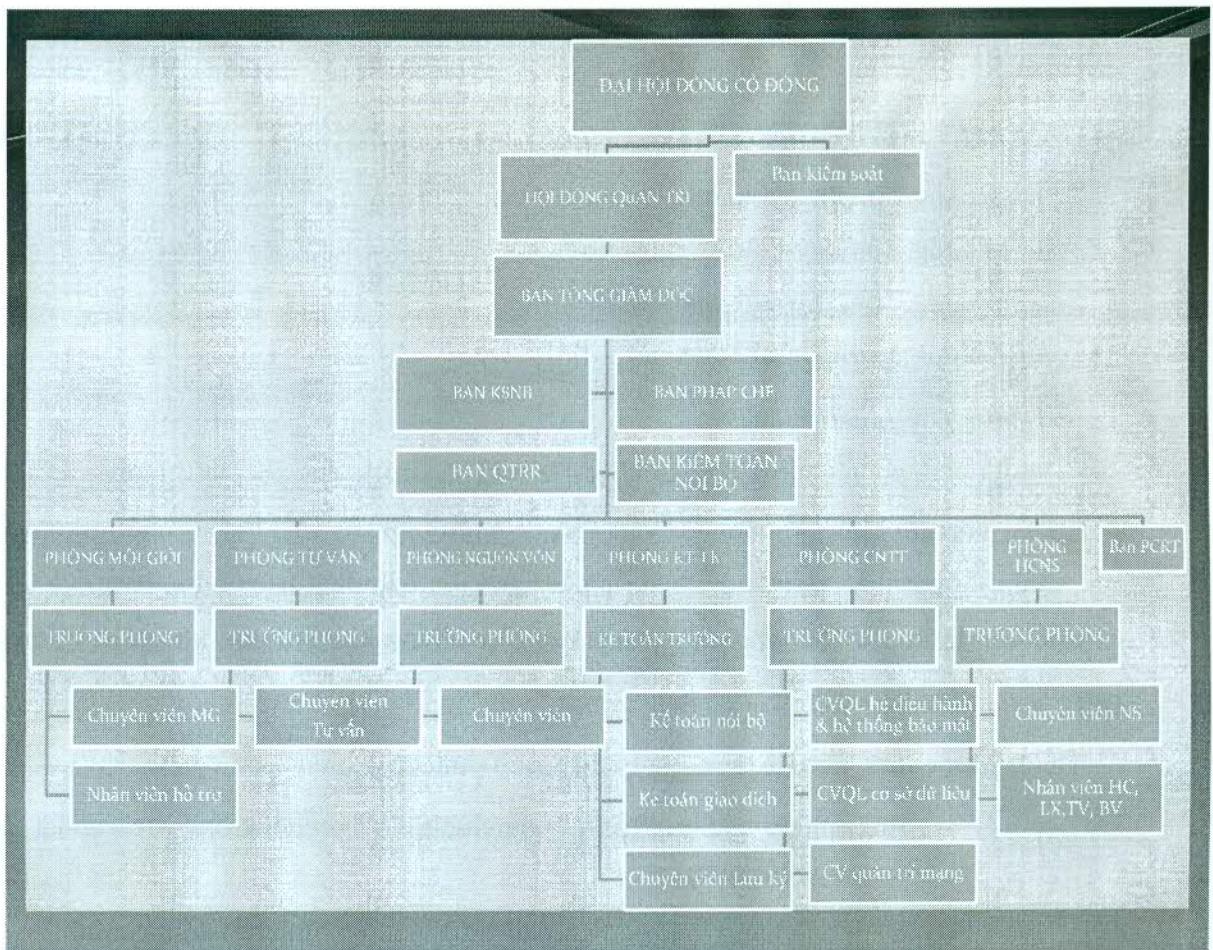
- *Ngành nghề kinh doanh:*
  - Môi giới chứng khoán;
  - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
  - Lưu ký chứng khoán.
- *Địa bàn kinh doanh:*

Tầng 1 và 2 số 40 Phan Bội Châu, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà nội.

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

- *Mô hình quản trị:*





**- Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy kinh doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín bao gồm:

- Đại Hội đồng cổ đông
- Ban kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Ban Tổng Giám đốc
- Ban Kiểm soát nội bộ
- Ban Quản trị rủi ro
- Ban kiểm toán nội bộ
- Ban phòng chống rửa tiền
- Ban Pháp chế
- Phòng Môi giới
- Phòng Tư vấn tài chính
- Phòng Nguồn vốn



- Phòng Tư vấn Tài chính
- Phòng Kế toán và Lưu ký
- Phòng Công nghệ thông tin
- Phòng Hành chính Nhân sự

### 5. Định hướng phát triển

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt Tín (VTSS) được cấp phép các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán. Công ty xây dựng định hướng phát triển trung hạn và dài hạn đảm bảo phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty. Mục tiêu là đưa VTSS vào danh sách Công ty chứng khoán được khách hàng tin tưởng tại Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu đề ra, công ty đã hoạch định các chính sách cụ thể như sau:

- Hoàn thiện các quy trình, điều chỉnh các cơ chế, chính sách nhằm tăng chất lượng dịch vụ môi giới;
- Đảm bảo năng lực triển khai đầy đủ các loại hình tư vấn tài chính;
- Xây dựng danh mục đầu tư hiệu quả;
- Phát triển các mối quan hệ với các định chế tài chính lớn;
- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ cao, chuyên nghiệp;
- Ưu tiên đầu tư cho công nghệ, thích ứng với các nghiệp vụ phức tạp, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Tăng thị phần
- Mở rộng thị trường truyền thống, đồng thời tạo niềm tin để tăng thêm các nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản giao dịch tại Công ty.

*Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):*

Số lượng người lao động và mức lương trung bình của người lao động:

Số lượng người lao động:

Đến thời điểm 31/12/2018, VTSS có tổng số nhân viên là: 19 người, trong đó:

Theo HĐLĐ dài hạn: 19 người, trong đó: 12 là nữ và 7 nam

Mức lương trung bình: *chỉ số này là bảo mật*

A. Chính sách sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

VTSS tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Lao động nữ được hưởng đầy đủ chế độ thai sản theo đúng Luật Lao động.

Lãnh đạo công ty luôn tạo không khí làm việc dễ chịu, gắn kết và giúp đỡ nhau khi gặp hoàn cảnh khó khăn.

Hàng năm, để đảm bảo môi trường làm việc của công ty nói chung và nhân viên VTSS nói riêng được an toàn, tòa nhà nơi có trụ sở làm việc của VTSS được trang bị thiết bị phòng chống cháy nổ và tập rượt phòng cháy chữa cháy theo đúng hướng dẫn của công an Phòng cháy chữa cháy Quận và Thành phố.

Môi trường cảnh quan văn phòng VTSS được khách hàng đánh giá là một trong những địa điểm văn phòng đẹp tại Hà Nội. Văn phòng làm việc không bị bó hẹp trong thiết kế văn phòng cứng nhắc, mà được bài trí đẹp mắt, tạo không khí làm việc thoải mái cho nhân viên.

- B. Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho người lao động; Chương trình đào tạo kỹ năng và đào tạo liên tục để hỗ trợ việc làm cho người lao động và phát triển sự nghiệp:

Do đặc thù là công ty chứng khoán nên ban lãnh đạo VTSS đề cao việc thường xuyên nhắc nhở người hành nghề chứng khoán tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và nghiên cứu đầy đủ các chính sách, văn bản liên quan đến quản trị rủi ro, phòng chống rửa tiền.

VTSS khuyến khích, tạo điều kiện cho nhân viên được đi đào tạo nâng cao bằng cấp hoặc các khóa học chuyên môn nếu họ có nhu cầu.

**6. Các rủi ro:**

- Rủi ro thị trường.
- Rủi ro thanh toán.
- Rủi ro hoạt động.

**II. Tình hình hoạt động trong năm**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- a. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây: Công ty đã có 2.852 tài khoản tính đến thời điểm cuối năm
- b. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm:
- c.

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (cp)	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (VND)
Cổ phiếu	46.355.588	860.262.919.000
Trái phiếu		24.400.000.000



Chứng khoán khác		
Tổng cộng	46.355.588	884.662.919.000

- d. Tổng phí môi giới thực hiện trong năm: 2.946.959.926 đồng
- e. Chi phí hoạt động và quản lý trong năm: 2.911.508.997 đồng
- f. Lợi nhuận sau thuế trong năm: 35.450.931 đồng

Năm 2018, lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 69.8% so với lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu năm 2018 tăng 48%% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng chi phí lại tăng 55%. Vì vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 mặc dù vẫn lãi nhưng chưa thực sự tốt như năm 2017.

**Tổ chức và nhân sự:**

- a. **Hội Đồng Quản Trị (03):** Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, ủy viên HĐQT
- b. **Ban kiểm soát:** 02
- c. **Bộ phận kiểm soát nội bộ: 01 phụ trách ban**
- d. **Bộ phận Quản trị rủi ro (01):** 01 phụ trách ban quản trị rủi ro
- e. **Bộ phận kiểm toán nội bộ: : 01 phụ trách**
- f. **Ban Phòng chống rửa tiền:** 01 chuyên viên
- g. **Ban Tổng Giám đốc (01):** bao gồm 01 Tổng giám đốc
- h. **Ban pháp chế :**
- i. **Phòng Môi giới (05):** gồm 1 trưởng phòng và 4 chuyên viên môi giới
- j. **Phòng Tư vấn Tài chính (03):** bao gồm 03 chuyên viên
- k. **Phòng Nguồn vốn:**
- l. **Phòng Kế toán và Lưu ký (04):** bao gồm 01 Kế toán trưởng, 01 Thủ quỹ, (01) kế toán lưu ký, (01) kế toán nội bộ
- m. **Phòng IT (02):** bao gồm 01 Trưởng phòng và 01 chuyên viên
- n. **Phòng HCNS:**

**Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:**

1. Ông Lê Quang Tiến - Tổng Giám đốc:

Họ và tên: Lê Quang Tiến

Ngày sinh: 07/10/1978

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 011830045

cấp ngày: 01/04/1994

tại: Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P302 E7 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Tài chính ngân hàng

*Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:*

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
2001-2006	Trường ĐHKT Quốc Dân	Tài Chính Ngân Hàng	Không	Không

**Quá trình làm việc:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
3/2007 - 5/2014	Công ty CP Chứng khoán Việt Tín	Phó phòng môi giới	Không	Không
6/2014 đến nay	Công ty CP Chứng khoán Việt Tín	Tổng giám đốc	Không	Không

Cử nhân tài chính ngân hàng với hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán.

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: Ban lãnh đạo xác định cần phải tập trung tích lũy các khoản lợi nhuận phục vụ cho việc mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh trong những năm tới, nên Ban Giám đốc chỉ nhận các khoản lương, thưởng phù hợp tương ứng với vị trí điều hành như những người lao động.

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ và đúng các chính sách về lao động theo quy định của pháp luật cho nhân viên. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách thưởng theo doanh thu, theo hiệu quả công việc vào mỗi kỳ đánh giá và hàng năm đều có thưởng vào ngày lễ, tết và tổ chức cho nhân viên đi tham quan, du lịch...

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

- a. Các khoản đầu tư lớn : không có.
- b. Các công ty con, công ty liên kết: không có.



**4. Tình hình tài chính:**

*a. Tình hình tài chính:*

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	97.624.507.564	97.436.225.762	0.19
Doanh thu thuần	1.929.738.313	2.885.022.500	49.50
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	259.208.201	123.828.282	(52.22)
Lợi nhuận khác	(141.684.078)	(88.377.351)	37.62
Lợi nhuận trước thuế	117.524.123	35.450.931	(69.8)
Lợi nhuận sau thuế	117.524.123	35.450.931	(69.8)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

*b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	20.00	23.00	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	4.63	4.63	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.02	0.02	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.02	0.02	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			



+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.02	0.02	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.13	0.12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.003	0.0003	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.003	0.0003	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.90	0.043	
.....			

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): 13.800.000
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: Công ty chưa IPO
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): Không có
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: Công ty không có kế hoạch chia cổ tức năm 2017.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

**6.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Trong năm qua, VTSS không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

**6.2 Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Số lượng lao động: năm 2018, VTSS có tổng số nhân viên là: 19 người

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: VTSS luôn đề cao lợi ích của người lao động và bảo vệ tối đa lợi ích của người lao động như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên làm việc lâu năm, tổ chức những buổi giao lưu gặp gỡ giữa nhân viên trong Công ty qua các sự kiện.

- Hoạt động đào tạo người lao động: VTSS tổ chức một số buổi học tập nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Đồng thời luôn tạo điều kiện để người lao động có thể học chuyên sâu và nâng cao (nếu có nhu cầu).

**III, Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc:**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Biến động (%)
<b>Doanh thu hoạt động</b>	1,997,304,290	2.946.959.926	48
<b>Chi phí hoạt động và quản lý</b>	1,879,780,167	2.911.508.997	55
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	117,524,123	35.450.931	(69.8)

So với kế hoạch đề ra từ đầu năm, doanh thu hoạt động và chi phí hoạt động quản lý năm 2018 đều tăng đáng kể so với năm 2017. Mặc dù vậy lợi nhuận sau thuế của năm 2018 vẫn giảm so với năm 2017, nguyên nhân là do doanh thu năm 2018 tăng 48% nhưng chi phí thì tăng hẳn 55% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nhìn chung hai năm trở lại đây, thị trường chứng khoán nói chung diễn ra cũng khá sôi nổi và giá cổ phiếu có biến động tăng lên. Khối lượng giao dịch trên thị trường cũng tăng lên nhưng vẫn không bền vững và biến động mạnh. Nhà đầu tư cũng đầu tư dè chừng. Thêm việc các ngân hàng thương mại thắt chặt tín dụng cho vay đầu tư chứng khoán đã tác động rất nhiều đến nguồn cung cấp vốn vào thị trường. Công ty vẫn đang cố gắng đẩy mạnh doanh thu về hoạt động môi giới nên năm 2018 hoạt động của công ty đã có những chuyển biến tích cực hơn.

Công ty đạt được những tiến bộ trong năm qua như:

- Ban lãnh đạo Công ty chú trọng và đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực thông qua các buổi đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên, quan tâm đến đời sống của nhân viên cũng như chế độ lương thưởng để nhân viên có thể gắn bó lâu dài với Công ty.

- Xây dựng hệ thống chăm sóc khách hàng qua điện thoại, nhằm phát triển hoạt động môi giới của Công ty cũng như mạng lưới khách hàng rộng khắp cả nước.

- Nâng cấp tính năng mới cho phần mềm chứng khoán giúp khách hàng có thể thuận tiện hơn trong việc giao dịch...

**2. Tình hình tài chính:**

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

- + Khả năng thanh toán nhanh: 4.32 lần

- + Khả năng thanh toán hiện hành: 20.86 lần

- + Tài sản dài hạn/tổng tài sản: 61,16 %



- + Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản: 38.84 %
- + Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 1.68 %
- + Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn: 98.32 %
- + ROE: 0.04%
- + EPS: 3 đồng/CP
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo
  - + Tổng tài sản: 97.43 tỷ
  - + Tổng nợ phải trả: 1.63 tỷ
  - + Nguồn vốn chủ sở hữu: 95.79 tỷ.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Trong năm 2018, Công ty đã đạt được tiến bộ trên nhiều phương diện:

- Về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Công ty đã hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý của mình với đội ngũ quản lý và nhân viên có trình độ cao, đủ chứng chỉ và bằng cấp theo yêu cầu, đáp ứng đòi hỏi của lĩnh vực hoạt động. Các phòng ban có sự liên hệ qua lại và cộng tác trong công việc.

- Các biện pháp kiểm soát: Công ty đã ra quy trình kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo tất cả các quy định của Nhà nước và quy chế quản lý của Công ty đều được tuân thủ nghiêm ngặt với phương châm tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư và giảm thiểu rủi ro.

- Hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện, bảo mật cho khách hàng.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

*Dự báo thị trường chứng khoán 2019:*

Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg về Chiến lược tài chính đến năm 2020 và Quyết định số 252/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 thì đến năm 2020, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu phần đầu đạt khoảng 70% GDP và tổng dư nợ trái phiếu khoảng 30% GDP. Để có thể đạt được mục tiêu này, rất cần có sự ủng hộ của Chính phủ, Bộ Tài chính và các cấp Bộ, ngành để thị trường có thể phát triển nhanh, mạnh, vững chắc và có mức tăng trưởng đột phá.

Năm 2018 được dự báo là kinh tế vĩ mô sẽ tiếp tục hồi phục, công cuộc cải cách của Chính phủ cũng sẽ tiếp tục tạo đà cho sự phát triển kinh tế, TTCK Việt Nam sẽ có sự tăng trưởng về quy



mô, tiếp tục diễn biến ổn định với thanh khoản được cải thiện hơn. Cùng với đó, vấn đề thu hút dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài của Việt Nam sẽ tiếp tục được cải thiện thông qua việc trình ban hành Luật Chứng khoán sửa đổi, trong đó sẽ có sự tháo gỡ vướng mắc trong vấn đề dòng vốn đầu tư gián tiếp.

Bên cạnh việc tiếp tục đẩy nhanh tiến độ niêm yết, đăng ký giao dịch đối với các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa có quy mô lớn trên thị trường chứng khoán (TTCK) và giảm tỷ lệ sở hữu Nhà nước để tăng tính hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài, trong thời gian tới, ngành Chứng khoán tiếp tục thực hiện các nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng hàng hóa niêm yết, phát triển các sản phẩm mới như Covered Warrant, chính thức vận hành thị trường chứng khoán phái sinh; phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, phát triển cơ sở nhà đầu tư, triển khai vấn đề nâng hạng TTCK Việt Nam trong bảng xếp hạng MSCI. Ngoài ra, đối với việc tái cơ cấu tổ chức giao dịch TTCK, từng bước thực hiện sắp xếp lại các mảng thị trường, phát triển hạ tầng công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài trong việc tiếp cận TTCK Việt Nam.

*Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

Để bắt kịp xu hướng phát triển chung của thị trường chứng khoán thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Việt Tín (VTSS) cũng cần nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh với các bước kế hoạch phát triển trong tương lai như sau:

- Dự kiến công ty sẽ tăng vốn điều lệ bằng cách bán cho cổ đông hiện hữu hoặc chào bán riêng lẻ khi thời điểm phù hợp.

- Tổ chức tham dự, học tập nghiên cứu các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng, khả năng của cán bộ, nhân viên trong công ty, giúp hoàn thiện tốt công việc hiện tại và trong tương lai. VTSS coi đào tạo là một cách đầu tư vào nguồn nhân lực của Công ty, giúp công ty nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty.

- Chính sách phát triển: Ban Lãnh đạo đề cao trách nhiệm phát hiện và bồi dưỡng nhân tài để trao trọng trách. Sự đóng góp của nhân viên được khích lệ, động viên kịp thời và xứng đáng dưới hình thức vật chất và tinh thần. Các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn được truyền đạt đến từng nhân viên nhằm triển khai và phát huy tối đa hiệu quả của từng cá nhân và tập thể.

- Công ty sẽ tận dụng khai thác các đối tượng khách hàng hiện có tại công ty và hướng đến những khách hàng mới tiềm năng có nhu cầu đầu tư, tìm hiểu về thị trường chứng khoán và tận dụng

hệ thống hạ tầng kỹ thuật để phát triển địa bàn hoạt động cũng như cung cấp các dịch vụ tiện ích cho khách hàng. Đồng thời, công ty cũng hướng tới khai thác các khách hàng là các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài thông qua những quan hệ sẵn có của các công ty đối tác trong tập đoàn.

- Mở rộng các hình thức tiếp cận, marketing đến các khách hàng cá nhân, tổ chức tiềm năng các sản phẩm, dịch vụ của công ty hiện có.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước nâng cao tăng trưởng thị phần giao dịch theo từng năm và công ty hoạt động an toàn, hiệu quả.

- Nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch để phù hợp với những thay đổi từ ủy ban chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán tạo điều kiện thuận lợi, tiện dụng nhất dành cho khách hàng khi giao dịch.

- Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự, công văn giấy tờ cho bộ phận hành chính; phần mềm quản lý công việc phục vụ cho trường bộ phận và ban giám đốc. Qua đó, mỗi trường bộ phận, BGĐ có thể chủ động kiểm tra và đôn đốc nhân sự hiệu quả hơn.

- Tăng cường chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên IT. Cho nhân viên IT tham dự các khóa đào tạo nâng cao về nghiệp vụ công nghệ trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và các nghiệp vụ về bảo mật hệ thống.

- Công ty sẽ phát triển và giữ vững thị phần ở mức ổn định, hoạt động an toàn hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng phục vụ và đa dạng hóa các dịch vụ

## 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

(Theo nội dung các mục tiêu phát triển bền vững)

### IV, Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Năm 2019 vẫn là hy vọng là 1 năm khởi sắc cho Thị trường chứng khoán. Ban lãnh đạo Công ty Cổ Phần Chứng khoán Việt Tín đã đưa ra các quyết định chắc chắn và an toàn trong đường lối kinh doanh.

#### ĐÁNH GIÁ VỀ HỆ THỐNG CNTT NĂM 2018:

- **Phần mềm:**

- -Hệ thống giao dịch và Quản lý môi giới chứng khoán của Công ty sử dụng phần mềm Megastock v 4.6 của nhà cung cấp phần mềm Công ty Thương mại và Dịch vụ RPSoft



- -Phần mềm Gateway với HNX và HSX: RPS – HNXGateway và Octech - HSXGateway của nhà cung cấp phần mềm Công ty Cổ Phần Octech.
- -Phần mềm RPS-Bank Gateway: Sử dụng phần mềm của nhà cung cấp phần mềm Công ty Thương mại và Dịch vụ RPSoft trong modul kết nối ngân hàng trực tuyến
- -Hệ thống cơ sở dữ liệu : Oracle 10
- -Hệ thống kế toán nội bộ: Sử dụng phần mềm của nhà cung cấp phần mềm kế toán Fast accounting; Tách bạch với kế toán giao dịch.
- Website và trading online : (Tại địa chỉ <https://www.viettin.vn/online> )
- Đã cung cấp đầy đủ các thông tin của các công ty niêm yết , các văn bản pháp quy của Ủy ban, Sở GDCK HNX, HSX lên website hàng ngày cho NĐT.
- Bảng giá: - Ổn định, nhanh, đầy đủ thông tin cung cấp cho NĐT trong việc ra quyết định giao dịch
- -Hệ thống Mail: - hoạt động ổn định ;
- -Hệ thống ghi âm cuộc gọi: hoạt động tốt, liên tục và sao lưu đầy đủ định kỳ.
- -Hệ thống SMS :hoạt động ổn định, tốt; Phục vụ đầy đủ thông tin cho NĐT

*Tính ổn định:*

- Hệ thống được chạy trên công nghệ Clustering (2 cặp máy chủ chạy song song và đồng bộ; 2 máy hoạt động thay đổi và liên tục). Do vậy, trong trường hợp 1 máy có sự cố, máy kia vẫn hoạt động bình thường. Đảm bảo tính liên tục và an toàn của hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến và nhà đầu tư.

*Nghiệp vụ:*

- Hệ thống đã đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ chung và cơ bản của môi giới và giao dịch chứng khoán với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và 2 Sở Giao dịch là HNX và HSX.
- Đã thực hiện tách bạch tài khoản tiền của Nhà đầu tư tại BIDV;
- Hệ thống kế toán nội bộ được sử dụng phần mềm của nhà cung cấp Fast Accounting ; tách bạch kế toán giao dịch và kế toán nội bộ.

*Đánh giá chung:*

- Hoàn toàn đáp ứng đầy đủ được các yêu cầu về giao dịch và quản lý môi giới chứng khoán trong tình hình thị trường hiện tại và kế hoạch trong tương lai.
- Có thể đáp ứng được 10,000 user giao dịch trực tuyến với tốc độ và an toàn cao.



- Đối với dịch vụ Tư vấn tài chính và Đầu tư chứng khoán: VTSS cung cấp đa dạng các dịch vụ Tư vấn cho quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp, tư vấn niêm yết trên sàn, tư vấn tái cơ cấu, mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A) và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các thủ tục đăng ký để trở thành Công ty đại chúng và giao dịch trên sàn UPCOM theo quy định hiện hành của nhà nước.
- Đội ngũ cán bộ chuyên môn thành thạo nghiệp vụ đủ chứng chỉ hành nghề.
- Hoạt động kinh doanh ổn định.

## V. Quản trị Công ty.

### 1. Hội đồng quản trị:

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín (“Hội đồng Quản trị”) do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, gồm 3 thành viên với cơ cấu và tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Vốn Điều lệ của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Đất Việt Nam – Đại diện: ông Ronald Nguyễn Anh Đạt – Chức vụ: chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Bà Hoàng Ngân Hà – Chức vụ: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
3. Bà Trương Thị Hoàng Lan – Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Thành viên Hội đồng Quản trị đều là các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Ronald Nguyễn Anh Đạt, tốt nghiệp Khoa Tài chính Kinh tế, trường Đại học New South Wales (Australia), đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, từng là Giám đốc tài chính cho các tập đoàn Liang Court Holdings và Asscot của Singapore. Bà Hoàng Ngân Hà, Bà Trương Thị Hoàng Lan đều là các chuyên gia tài chính, có nhiều năm kinh nghiệm, đã từng làm việc trong lĩnh vực tài chính cho nhiều công ty, dự án tại Việt Nam và nước ngoài.

#### b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, ngay từ đầu năm, Hội đồng Quản trị đã xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2018, trong đó khái quát được chương trình, kế hoạch, nội dung hoạt động

của Hội đồng, đồng thời dự đoán những vấn đề có thể phát sinh, từ đó chủ động giải quyết mọi vấn đề thuộc thẩm quyền. Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các phiên họp với những nội dung chủ yếu:

- Chấn chỉnh, tăng cường kiểm soát hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ theo đúng các qui định của Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các cơ quan có chức năng khác.

- Tiết kiệm chi phí, định biên lại nhân sự và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, kế hoạch đề ra của Công ty trong năm 2018, Hội đồng Quản trị cũng đã chỉ đạo sâu sát Ban Giám đốc thực hiện thành công việc điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty với phương châm liên tục tìm kiếm các khách hàng và thị trường tiềm năng, khai thác và mở rộng thị trường truyền thống bằng việc áp dụng công nghệ hiện đại, đầu tư các thiết bị tin học hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo niềm tin của các nhà đầu tư khi giao dịch với Việt Tín.

Năm 2018 vẫn là một năm khó khăn cho sự phát triển của thị trường chứng khoán nói chung, nhưng đã có nhiều khởi sắc trong khối lượng giao dịch môi giới. Chính vì lý do đó, Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo Ban Giám đốc và các phòng ban có liên quan tìm các biện pháp nhằm phát triển mảng môi giới của Công ty.

Trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình, nhận thức được rằng cần phải tập trung mọi nguồn lực cho xây dựng, phát triển hoạt động, tuyệt đối tiết kiệm chi phí trong hoàn cảnh khó khăn, các thành viên Hội đồng Quản trị chỉ nhận các khoản lương, thưởng phù hợp tương ứng với vị trí điều hành như những người lao động, không có thêm bất cứ khoản lợi ích nào khác.

## **2. Ban kiểm soát:**

### *Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Trong năm 2018, Ban kiểm soát của Công ty đã thực hiện độc lập và nghiêm túc chức năng của mình trong các hoạt động:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kê toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.



3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty.

5. Kiến nghị Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

**4. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị**

Để thực hiện tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của mình, Hội đồng Quản trị thực hiện phân công phân nhiệm một cách rõ ràng đối với từng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc theo hướng tuân thủ nghiêm túc quyết định của tập thể nhưng đề cao vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân. Việc chỉ đạo, điều hành được thực hiện thống nhất từ trên xuống dưới. Bộ phận kiểm soát nội bộ tăng cường công tác kiểm toán và thể chế hóa các hoạt động nhằm quản trị rủi ro, nâng cao hoạt động của Công ty và củng cố niềm tin của khách hàng. Nhiệm vụ của Bộ phận kiểm soát không chỉ là phát hiện và đề nghị khắc phục mà còn phải phân tích nguyên nhân, đề xuất biện pháp giải quyết thích hợp và triệt để. Ngoài ra Công ty luôn thực hiện nghiêm túc Quy chế Tổ chức và hoạt động, chế độ kế toán của Công ty chứng khoán, ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC cùng các quy định khác của pháp luật.

**5. Các cổ đông của Công ty**

a. Danh sách cổ đông và tỷ lệ cổ phần sở hữu từ 10% trở lên

	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ tương ứng
1.	Công ty TNHH Đất Việt Nam	40 Phan Bội Châu, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.480.000	25,217%

2.	Hoàng Ngân Hà	40 Phan Bội Châu, Cửa Nam Hoàn Kiếm, Hà Nội	6.759.400	48,98%
----	---------------	---	-----------	--------

**Bà Hoàng Ngân Hà**

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Nghề nghiệp: Phó Chủ tịch Công ty

Số lượng cổ phần: 6.759.400

Tỷ lệ sở hữu cổ phần trong vốn Điều lệ: 48,98%

**Công ty TNHH Đất Việt Nam**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101310858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày lần đầu ngày 9 tháng 8 năm 2002.

Địa chỉ: Số 40 Phan Bội Châu, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Đại diện: Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt

Số lượng cổ phần: 3.480.000

Tỷ lệ sở hữu cổ phần trong vốn Điều lệ: 25,217%.

**VI, Báo cáo tài chính.**

**Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC**

**Kiểm toán viên: Trương Thị Hoài Anh**

**Ngày ký BC: 29/03/2018**

*1. Ý kiến kiểm toán:*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**



Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

*Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC*

*Phạm Anh Tuấn – Phó Tổng giám đốc*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		37,840,618,950	37,552,870,990

<b>110</b>	<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính</b>		<b>37,791,824,255</b>	<b>37,504,076,295</b>
111	1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	9,519,085,742	8,620,016,070
111.1	1.1	Tiền		9,519,085,742	8,220,590,327
112	1.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	14,620,965,690	14,633,874,490
116	2.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp		-	-
117	3.	Các khoản phải thu	7	1,586,600,000	570,350,000
117.1	3.1	Phải thu bán các tài sản tài chính		540,000,000	
117.2	3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1,046,600,000	570,350,000
117.4	3.2.1	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1,046,600,000	570,350,000
118	4.	Trả trước cho người bán	6	22,638,385,175	22,638,385,174
119	5.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	361,822	3,102,675
122	6.	Các khoản phải thu khác	7	15,740,044,124	17,696,966,184
129	7.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(26,313,618,298)	(26,658,618,298)
<b>130</b>	<b>II.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>48,794,695</b>	<b>48,794,695</b>
131	1.	Tạm ứng		303,002	303,002
134	2.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	-
136	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	48,491,693	48,491,693
<b>200</b>	<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>59,595,606,812</b>	<b>60,071,636,574</b>
<b>210</b>	<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>5</b>	<b>28,795,840,634</b>	<b>29,333,544,892</b>
212	1.	Các khoản đầu tư		29,200,000,000	29,740,000,000
212.1	1.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		24,400,000,000	24,400,000,000
212.4	1.2	Đầu tư dài hạn khác		4,800,000,000	5,340,000,000
213	1.3	Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		(404,159,366)	(406,455,108)
<b>220</b>	<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	11	-	-
222	-	<i>Nguyên giá</i>		3,930,336,468	3,930,336,468
223a	-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(3,930,336,468)	(3,930,336,468)
227	2.	Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	-	<i>Nguyên giá</i>		1,971,239,400	1,971,239,400
229a	-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(1,971,239,400)	(1,971,239,400)
<b>250</b>	<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>30,799,766,178</b>	<b>30,738,091,682</b>
251	1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2,000,000	2,000,000
252	2.	Chi phí trả trước dài hạn	9	29,520,080,000	29,520,080,000
254	3.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	1,277,686,178	1,216,011,682
<b>270</b>		<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>97,436,225,762</b>	<b>97,624,507,564</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1,636,711,019</b>	<b>1,860,443,752</b>
310	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>1,636,711,019</b>	<b>1,860,443,752</b>
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	168,315,001	188,315,001
322	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	251,771,925	150,213,731
323	3. Phải trả người lao động		40,465,276	39,851,545
324	4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		592,394,667	989,146,916
329	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	583,764,150	492,916,559
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>95,799,514,743</b>	<b>95,764,063,812</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>95,799,514,743</b>	<b>95,764,063,812</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		138,000,000,000	138,000,000,000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		138,000,000,000	138,000,000,000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		138,000,000,000	138,000,000,000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(42,200,485,257)	(42,235,936,188)
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(42,226,278,456)	(42,273,893,987)
417.2	2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		25,793,199	37,957,799
440	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>97,436,225,762</b>	<b>97,624,507,564</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		13,800,000	13,800,000
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	19	39,880,000	38,740,000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	20	2,110,000	2,490,000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	21	11,997,480,000	12,537,480,000
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	22	16,430,150,000	20,719,720,000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		16,261,520,000	19,641,720,000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		10,000,000	-
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		158,630,000	1,078,000,000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23	727,030,000	593,130,000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		727,030,000	593,130,000
026	3. Tiền gửi của khách hàng	24	2,332,157,922	926,112,058
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2,209,648,103	789,403,278
030	3.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		122,509,819	136,708,780
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	2,209,648,103	789,403,278
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2,209,648,103	789,248,656
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	154,622
035	5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26	122,509,819	136,708,780



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	10,853,615	40,787,569
01.2		b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	10,853,615	40,787,569
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1,113,250,000	570,350,000
06	1.3	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1,760,918,885	1,308,600,744
10	1.4	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	10,000,000
<b>20</b>		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>2,885,022,500</b>	<b>1,929,738,313</b>
	<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	23,018,215	2,829,770
21.2		b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	23,018,215	2,829,770
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	-	(3,108,281)
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2,020,922,086	1,698,912,454
30	2.4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	24,385,975	31,135,713
<b>40</b>		<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>2,068,326,276</b>	<b>1,729,769,656</b>
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>28</b>		
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	61,937,428	67,565,977
<b>50</b>		<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>61,937,428</b>	<b>67,565,977</b>
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>29</b>		
54	4.1	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(2,295,742)	940,645

60		Cộng chi phí tài chính		(2,295,742)	940,645
62	VI.	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	757,101,112	7,385,788
70	VII.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		123,828,282	259,208,201
	VIII.	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1	Thu nhập khác		-	-
72	8.2	Chi phí khác	31	88,377,351	141,684,078
80		Cộng kết quả hoạt động khác		(88,377,351)	(141,684,078)
90	IX.	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		35,450,931	117,524,123
91	9.1	Lợi nhuận đã thực hiện		47,615,531	79,566,324
92	9.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		(12,164,600)	37,957,799
	X.	CHI PHÍ THUẾ TNDN	32	-	-
200	XI.	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>35,450,931</u>	<u>117,524,123</u>
500	XIII.	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	33	3	9

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
-------	----------	-------------	----------	----------



		VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	35,450,931	117,524,123
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	(409,233,170)	(1,317,619,351)
04	- Các khoản dự phòng	(347,295,742)	(1,250,053,374)
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(61,937,428)	(67,565,977)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	23,018,215	2,829,770
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	23,018,215	2,829,770
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	(10,853,615)	(40,787,569)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	(10,853,615)	(40,787,569)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	1,198,749,883	1,569,912,793
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	744,200	-
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	(24,400,000,000)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	(476,250,000)	(570,350,000)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2,740,853	(3,058,715)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	1,956,822,060	14,366,738,940
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác	(61,674,496)	(37,900,094)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán	(200,000,001)	-
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	(396,752,249)	(54,269)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)	101,558,194	76,435,834
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động	613,731	(4,495,081)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác	90,847,591	142,596,178
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	12,000,000,000
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>837,132,244</b>	<b>331,859,766</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài	61,937,428	67,565,977

		chính dài hạn	
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	61,937,428	67,565,977
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm	899,069,672	399,425,743
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	8,620,016,070	8,220,590,327
101.1	- Tiền	8,620,016,070	8,220,590,327
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	<u>9,519,085,742</u>	<u>8,620,016,070</u>
103.1	- Tiền	9,519,085,742	8,620,016,070

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		432,334,507,600	320,263,673,600
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(427,928,411,400)	(316,082,007,200)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		6,627,602,200	1,016,418,794
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(9,613,453,575)	(5,346,641,138)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		932,989,913	651,381,139
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(947,188,874)	(692,567,161)
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>1,406,045,864</b>	<b>(189,741,966)</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		<b>926,112,058</b>	<b>1,115,854,024</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		926,112,058	1,115,854,024
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		789,403,278	937,959,222
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		136,708,780	177,894,802
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>		<b>2,332,157,922</b>	<b>926,112,058</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		2,332,157,922	926,112,058
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2,209,648,103	789,403,278
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		122,509,819	136,708,780

2.5 BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2018

Năm 2018	Thuyết minh	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
		VND	VND	VND	VND

1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138,000,000,000	-	-	138,000,000,000
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(42,235,936,188)	35,450,931	-	(42,200,485,257)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>95,764,063,812</b>	<b>35,450,931</b>	<b>-</b>	<b>95,799,514,743</b>

Năm 2017	Thuyết minh	01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2017 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138,000,000,000	-	-	138,000,000,000
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(42,353,460,311)	117,524,123	-	(42,235,936,188)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>95,646,539,689</b>	<b>117,524,123</b>	<b>-</b>	<b>95,764,063,812</b>

## 2.6 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

### 1. THÔNG TIN CHUNG:

#### 1.1 Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 138.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 138.000.000.000 đồng; tương đương 13.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

#### 1.3 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2018, trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty, Công ty đang lỗ lũy kế là 42.200.485.257 đồng (tương đương với 30,58% vốn chủ sở hữu). Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2018 vẫn không có sự tăng trưởng đáng kể do phải chịu sự cạnh tranh từ các công ty chứng khoán có quy mô lớn. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục do Ban điều hành Công ty đang tiếp tục có những định hướng và kế hoạch phát triển mới cho Công ty trong tương



lai gần. Theo đó, Công ty sẽ đẩy mạnh hơn hoạt động môi giới chứng khoán và Công ty cũng đang chuẩn bị xin cấp phép đối với hoạt động tự doanh và hoạt động margin để đáp ứng nhu cầu của thị trường và phát triển mạnh hơn trong năm tới. Do vậy, Ban điều hành Công ty tin tưởng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY:**

### **2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:**

#### *Chế độ kế toán áp dụng:*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **2.3 Tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ,

Tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net)

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

### **2.4 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

*a. Ghi nhận ban đầu:*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính:

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*b. Nguyên tắc phân loại:*

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

*c. Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính:*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty sau khi đã được Ban Điều hành chấp thuận bằng văn bản.



Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ không đánh giá lại do không có cơ sở xác định giá thị trường.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Thu nhập" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

#### 2.5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư các công ty khác được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư vào công ty khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty đó tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014.

**2.6. Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

**2.7. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**2.8. Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau: -

Phương tiện vận tải	10 năm	Thiết bị văn phòng
		04 - 06 năm
bảng sáng chế	02 - 08 năm	Phần mềm giao dịch,

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm nay và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

## 2.12. Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

**2.13. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**2.14. Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính**

Doanh thu tài chính trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

**2.15. Các khoản thuế**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.16. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>46,355,588</b>	<b>860,262,919,000</b>
- Cổ phiếu	46,355,588	860,262,919,000



46,355,588

860,262,919,000

3.

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	8,825,949,617	7,278,550,174
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	693,136,125	1,341,465,896
	<u>9,519,085,742</u>	<u>8,620,016,070</u>

**CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

5

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết <sup>(1)</sup>	28,672,491	54,465,690	29,416,691	67,374,490
Cổ phiếu chưa niêm yết <sup>(2)</sup>	14,566,500,000	14,566,500,000	14,566,500,000	14,566,500,000
	<u>14,595,172,491</u>	<u>14,620,965,690</u>	<u>14,595,916,691</u>	<u>14,633,874,490</u>

(1) Giá trị hợp lý được xác định căn cứ theo giá trị thị trường tại thời điểm 31/12/2018. Nguyên tắc xác định giá trị thị trường được trình bày tại mục d, thuyết minh này.

(2) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Trái phiếu (*) (VNĐ)	31/12/2018	01/12/2018
	24.400.000.000	24.400.000.000
<b>Tổng:</b>	<b>24.400.000.000</b>	<b>24.400.000.000</b>

(\*)Số dư trái phiếu tại thời điểm 31/12/2018 tương đương 244 trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Nam Hà Nội phát hành có mệnh giá 100.000.000 đồng, thời hạn 03 năm, lãi suất 4,5%/năm. Lãi suất được thanh toán 1 lần/năm vào cuối kỳ tính lãi.

c) Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội	-	-	540,000,000	(2,295,742)
Góp vốn đầu tư Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tín	4,800,000,000	(404,159,366)	4,800,000,000	(404,159,366)
	<b>4,800,000,000</b>	<b>(404,159,366)</b>	<b>5,340,000,000</b>	<b>(406,455,108)</b>

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty đang trích lập dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty cổ phần Xăng dầu Việt Tín.

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ứng trước mua văn phòng (*)	22,638,385,175	22,638,385,174
	<b>22,638,385,175</b>	<b>22,638,385,174</b>

(\*) Khoản phải thu ứng trước tiền mua văn phòng cho ông Ngô Duy Nhung phát sinh từ thời điểm 28/05/2013 tuy nhiên không thu hồi được và Công ty đã thực hiện trích dự phòng toàn bộ đối với khoản công nợ này.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản	540,000,000	-



đầu tư (1)		
Dự thu từ lãi trái phiếu	1,046,600,000	570,350,000
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	361,822	3,102,675
Phải thu thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu	3,482,977,600	3,827,977,600
Phải thu thanh lý hợp đồng thuê văn phòng (2)	12,064,811,000	13,672,822,000
Phải thu khác	192,255,524	196,166,584
	<b>17,327,005,946</b>	<b>18,270,418,859</b>

(1) Khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng cổ phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Nam Hà Nội với số cổ phần là 54.000, giá bán 10.000đồng/cổ phần cho bà Hoàng Ngân Hà – Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín. Tổng giá trị chuyển nhượng là 540.000.000 đồng. Khoản phải thu này có thời hạn thanh toán đến ngày 30/03/2019.

(2) Khoản phải thu theo thanh lý hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng với Công ty TNHH Đất Việt Nam ngày 28/06/2014 với tổng số tiền là 16,4 tỷ đồng, tuy nhiên do không hoàn trả được số tiền đặt cọc theo đúng thời hạn trong thanh lý hợp đồng nên Công ty TNHH Đất Việt Nam đã đề nghị xin gia hạn và được Công ty chấp thuận với thời gian gia hạn 03 tháng/lần, số tiền thu hồi được trong năm 2018 là 1.608.011.000 đồng. Theo Công văn gia hạn lần thứ 18 thì khoản phải thu này được tiếp tục gia hạn đến hết ngày 22/03/2019. Ban điều hành công ty đang tích cực thu hồi khoản công nợ này và tin tưởng sẽ thu hồi được trong năm tới.

## 8, DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

## 9, CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (*)	29,520,080,000	29,520,080,000
	<b>29,520,080,000</b>	<b>29,520,080,000</b>

(\*) Theo Hợp đồng thuê văn phòng giữa Bà Hoàng Ngân Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín ngày 02/01/2010, Công ty phải thanh toán tiền đặt cọc tương đương với mười lăm (15) năm tiền thuê nhà. Tiền thuê nhà của các lần thanh toán sẽ được trừ dần vào số tiền đã đặt cọc. Tuy nhiên, theo Phụ lục ngày 01/07/2017, Công ty được miễn tiền thuê văn phòng từ 01/07/2017 đến 30/06/2018 và Phụ lục ngày 01/07/2018, Công ty được miễn tiền thuê văn phòng từ 01/07/2018 đến 30/06/2019, do đó Công ty không phân bổ vào chi phí trong năm.

## 10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải thu Nhà nước	48,491,693	48,491,693

48,491,693

48,491,693

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tại ngày 31/12/2018, TSCĐ hữu hình của Công ty bao gồm phương tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị dụng cụ quản lý có tổng nguyên giá là 3.930.336.468 đồng. Các TSCĐ hữu hình này đã hết khấu hao từ trước 01/01/2018.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch với tổng nguyên giá là 1.971.239.400 đồng, các tài sản này đã hết khấu hao từ trước ngày 01/01/2018.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	338,712,475	338,712,475
Tiền nộp bổ sung	406,531,418	406,531,418
Tiền lãi phân bổ trong năm	532,442,285	470,767,789
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>1,277,686,178</u></b>	<b><u>1,216,011,682</u></b>

### 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Công ty CP Thương mại và giải pháp phần mềm RPS	60,000,000	80,000,000
Công ty TNHH Kim Ngân Hà	62,826,794	62,826,794
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Cây Cầu Vàng	24,600,000	24,600,000
Phải trả các đối tượng khác	20,888,207	20,888,207
	<b><u>168,315,001</u></b>	<b><u>188,315,001</u></b>

### 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND



Thuế Thu nhập cá nhân	251,771,925	150,213,731
	<u>251,771,925</u>	<u>150,213,731</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả tiền phạt của Ủy ban chứng khoán	165,000,000	165,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	418,764,150	327,916,559
	<u>583,764,150</u>	<u>492,916,559</u>

**18. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Đất Việt Nam	25.217%	34,800,000,000	22.60%	31,188,000,000
Bà Hoàng Ngân Hà	48.98%	67,594,000,000	48.98%	67,594,000,000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Việt Tín	9.80%	13,524,000,000	9.80%	13,524,000,000
Ông Hoàng Trung Hiếu	9.80%	13,524,000,000	9.80%	13,524,000,000
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	3.883%	5,358,000,000	6.50%	8,970,000,000
Các cổ đông khác	2.32%	3,200,000,000	2.32%	3,200,000,000
	<u>100%</u>	<u>138,000,000,000</u>	<u>100%</u>	<u>138,000,000,000</u>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(42,226,278,456)	(42,273,893,987)
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	37,957,799
	<u>(42,200,485,257)</u>	<u>(42,235,936,188)</u>

**c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn.**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND

Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(42,273,893,987)	(42,353,460,311)
Lãi chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(12,164,600)	37,957,799
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	47,615,531	79,566,324
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	(42,226,278,456)	(42,273,893,987)
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính</b>	<b>(42,226,278,456)</b>	<b>(42,273,893,987)</b>

**19. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	39,880,000	38,740,000
	<b>39,880,000</b>	<b>37,740,000</b>

**20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÍ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2,110,000	2,249,000
	<b>2,110,000</b>	<b>2,249,000</b>

**21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	11,997,480,000	12,537,480,000
	<b>11,997,480,000</b>	<b>12,537,480,000</b>

**22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	19,641,720,000	19,641,720,000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	10,000,000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	158,630,000	1,078,000,000



16,430,150,000      20,719,720,000

**23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	727,030,000	593,130,000
	<b>727,030,000</b>	<b>593,130,000</b>

**24. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	<b>2,209,648,103</b>	<b>789,403,278</b>
1. Nhà đầu tư trong nước	2,209,648,103	789,248,656
2. Nhà đầu tư nước ngoài	-	154,622
	<b>2,209,648,103</b>	<b>789,403,278</b>

**25. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	<b>2,209,648,103</b>	<b>789,403,278</b>
1.1. Nhà đầu tư trong nước	2,209,648,103	789,248,656
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	-	154,622
	<b>2,209,648,103</b>	<b>789,403,278</b>

**26. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	122,509,819	136,708,780
	<b>122,509,819</b>	<b>136,708,780</b>

**27. THU NHẬP**

Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1,113,250,000	570,350,000
	<b><u>1,113,250,000</u></b>	<b><u>570,350,000</u></b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	61,937,428	67,565,977
	<b><u>61,937,428</u></b>	<b><u>67,565,977</u></b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(2,295,742)	940,645
	<b><u>(2,295,742)</u></b>	<b><u>940,645</u></b>

**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	887,899,265	988,399,987
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	41,011,400	108,876,000
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3,000,000	46,285,002
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(345,000,000)	(1,247,885,738)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70,000,000	70,000,000
Chi phí khác	100,190,447	41,710,537
	<b><u>757,101,112</u></b>	<b><u>7,385,788</u></b>

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản bị phạt	88,377,351	141,684,078



<u>88,377,351</u>	<u>141,684,078</u>
-------------------	--------------------

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35,450,931	117,524,123
Các khoản điều chỉnh tăng	110,651,366	144,513,848
- Chi phí không hợp lệ	87,633,151	141,684,078
- Lỗi đánh giá lại tài sản		
- tài chính	23,018,215	2,829,770
Các khoản điều chỉnh giảm	(146,846,497)	(262,037,971)
- Chuyển lỗ các năm trước	(135,992,882)	(221,250,402)
- Lãi đánh giá lại tài sản tài		
- chính	(10,853,615)	(40,787,569)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(744,200)	(40,787,569)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u>-</u>	<u>-</u>

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	35,450,931	117,524,123
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	35,450,931	117,524,123
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13,800,000	13,800,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u>3</u>	<u>9</u>

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Giá trị sổ kế toán			
31/12/2018		01/01/2018	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng

	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,519,085,742	-	8,620,016,070	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	14,620,965,690	-	14,633,874,490	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24,400,000,000	-	24,400,000,000	-
Các khoản phải thu	17,327,005,946	(3,675,233,124)	18,270,418,859	(4,020,233,124)
	<b>65,867,057,378</b>	<b>(3,675,233,124)</b>	<b>65,924,309,419</b>	<b>(4,020,233,124)</b>
			31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			752,079,151	681,231,560
			<b>752,079,151</b>	<b>681,231,560</b>

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	14,620,965,690	-	-	14,620,965,690



	<u>14,620,965,690</u>	-	-	<u>14,620,965,690</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	14,633,874,490	-	-	14,633,874,490
	<u>14,633,874,490</u>	-	-	<u>14,633,874,490</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8,620,016,070	-	-	8,620,016,070
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	24,400,000,000	-	24,400,000,000
Các khoản phải thu	13,651,772,822	-	-	13,651,772,822
	<u>23,170,858,564</u>	<u>24,400,000,000</u>	-	<u>47,570,858,564</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8,620,016,070	-	-	8,620,016,070

Các khoản đầu tư nằm giữ đến ngày đáo hạn		24,400,000,000		
Các khoản phải thu	14,250,185,735	-	-	14,250,185,735
	<b>22,870,201,805</b>	<b>24,400,000,000</b>	<b>-</b>	<b>47,270,201,805</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	752,079,151	-	-	752,079,151
	<b>752,079,151</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>752,079,151</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	681,231,560	-	-	681,231,560
	<b>681,231,560</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>681,231,560</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**36. BÁO CÁO BỘ PHẬN**



Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động môi giới chứng khoán và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Chuyển nhượng khoản đầu tư</b>			
Bà Hoàng Ngân Hà	Phó chủ tịch	540,000,000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh xăng dầu</b>			
Công ty CP Xăng Dầu Việt Tín	(1)	3,482,977,600	3,827,977,600
<b>Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng</b>			
Công ty TNHH Đất Việt Nam	(1)	12,064,811,000	13,672,822,000
<b>Số dư đầu tư góp vốn</b>			
Công ty CP Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội	(1)	-	540,000,000
Công ty CP Xăng dầu Việt Tín	(1)	4,800,000,000	4,800,000,000
<b>Mua trái phiếu</b>			
Công ty CP Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội	(1)	24,400,000,000	24,400,000,000
<b>Phải thu lãi trái phiếu</b>			
Công ty CP Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản Nam Hà Nội	(1)	1,046,600,000	570,350,000
<b>Phải thu bán tài sản tài chính</b>			
Bà Hoàng Ngân Hà	Phó chủ tịch	540,000,000	-
<b>Trả trước tiền thuê văn phòng</b>			

Bà Hoàng Ngân Hà	Phó Chủ tịch HĐQT	29,520,080,000	29,520,080,000
------------------	-------------------	----------------	----------------

(1) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín đồng thời là Chủ tịch các Công ty này.

(2) Ông Hoàng Xuân Huy là bố đẻ bà Hoàng Ngân Hà - Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty. Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	123,217,000	144,000,000

### 38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN <sup>kh</sup>



CHỦ TỊCH H.Đ.Đ.Đ.

*Ronald Nguyễn Anh Đạt*